

CƠ SỞ KHOA HỌC - THỰC TIỄN CỦA CHÍNH SÁCH VĂN HÓA TRONG KINH TẾ

TRẦN NGỌC HIỀN *

Từ giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX, loài người tiến vào thời kỳ cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ ba, được gọi là cuộc cách mạng khoa học - công nghệ. Đây là thời kỳ xuất hiện nền kinh tế tri thức và sự xuất hiện quan hệ mới giữa văn hóa và kinh tế. Nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa, ngay từ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, khóa VIII, Đảng ta đã đề ra chính sách văn hóa trong kinh tế. Để phát huy hiệu quả hơn vai trò của văn hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội, Đảng ta trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội X chỉ rõ phải gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn giữa văn hóa với kinh tế.

XÂY dựng chính sách văn hóa trong kinh tế phải đi theo hướng khoa học - thực tiễn. Vì vậy, trong bài này chỉ phân tích **những cơ sở, căn cứ** để xây dựng chính sách văn hóa trong kinh tế ở giai đoạn lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm.

Khi phân tích những thành tựu và hạn chế của 20 năm đổi mới, có thể nhận thấy chính sách văn hóa ở nước ta còn chưa có những cơ sở tin cậy, nên hiệu quả thấp. Thực tiễn đổi mới đã chỉ rõ chính sách văn hóa trong kinh tế cần dựa trên những cơ sở sau đây:

Thứ nhất, định hướng các hoạt động khoa học công nghệ và giáo dục gắn liền với nhu cầu phát triển kinh tế, bao gồm cả yêu cầu lựa chọn và vận dụng những thành tựu khoa học, công nghệ và giáo dục tiên tiến của thế giới.

Thứ hai, chính sách văn hóa phải bám chặt những cơ sở **phát sinh và phát triển nền văn hóa mới** từ trong quá trình chuyển đổi kinh tế

và hình thành nền kinh tế mới. Những cơ sở đó là: xác định quyền sở hữu của người dân; xây dựng thể chế pháp quyền nhân dân; phát triển các mối quan hệ xã hội dân sự.

Hai cơ sở nói trên có mối quan hệ mật thiết với nhau. Ý nghĩa của cơ sở thứ nhất là mang những giá trị văn hóa tích cực, tiên tiến đã có trong khoa học, công nghệ và giáo dục vào thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững. Đó là quá trình "làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội", trước hết là lĩnh vực kinh tế. Ý nghĩa của cơ sở thứ hai là **xây đắp nền móng** của một nền văn hóa mới sẽ hình thành từ trong hoạt động kinh tế và hoàn thiện dần cùng với quá trình phát triển kinh tế.

Tư duy về chính sách văn hóa dựa trên hai cơ sở như thế có tác dụng như một mũi tên trúng

* GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

hai đích: vừa phát huy tác dụng những giá trị văn hóa đã có để thúc đẩy nền kinh tế mới, vừa tạo nền móng vững chắc cho một nền văn hóa mới, tiêu biểu cho hình thái kinh tế - xã hội mà nước ta đang hướng tới. Trước mắt sự hình thành nền văn hóa mới từng bước có tác dụng đẩy lùi thứ văn hóa lỗi thời trong hoạt động kinh tế và cuộc sống. Hiện nay, vì thiếu nghiên cứu những cơ sở nền tảng của chính sách văn hóa, nên trong thực tế có tình trạng văn hóa và kinh tế không gắn bó hỗ trợ nhau, thậm chí có khi cản trở nhau, tạo ra khoảng trống cho sự trở dậy của văn hóa tiểu nông và du nhập thứ văn hóa lỗi thời trên nhiều lĩnh vực sản xuất, tiêu dùng và quản lý kinh tế - xã hội. Hậu quả của tình trạng đó là xuất hiện nghịch lý: tăng trưởng về số lượng cao nhưng chất lượng, hiệu quả kém, mức sống tăng nhưng lối sống và quan hệ xã hội xấu đi, môi trường bị tàn phá ở cả đô thị và nông thôn, 50% diện tích đất tự nhiên của cả nước có nguy cơ sa mạc hóa, mức độ tham nhũng phổ biến trong bộ máy nhà nước.

Tình hình ấy đòi hỏi tìm tòi, phân tích những cơ sở nền tảng của các chính sách, trong đó có chính sách văn hóa trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

1 - Cơ sở thứ nhất: Đưa những giá trị văn hóa tiên tiến đã có thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững

Biết lựa chọn những giá trị bền vững của văn hóa dân tộc và những giá trị văn hóa tiên tiến của thế giới vận dụng vào phát triển kinh tế, cũng có nghĩa là biết đi theo con đường rút ngắn để theo kịp thời đại.

Các hoạt động giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng và thực thi pháp luật... đều có quan hệ với văn hóa. Tác động của văn hóa vào phát triển kinh tế thị trường trước hết từ các hoạt động đó và dựa trên các hoạt động đó. Vì vậy, cần phân tích các vấn đề đó như là cơ sở của chính sách văn hóa:

a - Đường lối và chính sách trong lĩnh vực giáo dục mang ý nghĩa đầy đủ về văn hóa, nên hoạt động giáo dục là một cơ sở trực tiếp của

chính sách văn hóa. Bởi vì giáo dục - đào tạo cung cấp nguồn nhân lực phù hợp cho nhu cầu phát triển kinh tế. Trong giai đoạn kinh tế tri thức, chất lượng phát triển nguồn nhân lực là nhân tố số một (so với điều kiện tài nguyên) cho tăng trưởng và hiệu quả kinh tế - xã hội. Việt Nam muốn đuổi kịp các nước thì phải trồng cây vào chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực như là nhân tố hàng đầu của tiến trình phát triển và hội nhập. Mặt khác, chất lượng giáo dục, đào tạo cũng quyết định sự phát triển con người Việt Nam, do đó nó quyết định bộ mặt của nền văn hóa tương lai.

Từ nhận thức ấy nhìn vào thực trạng nền giáo dục nước nhà trong quá trình đổi mới chúng ta nhận thấy hoạt động giáo dục đã tách rời yêu cầu phát triển kinh tế và yêu cầu phát triển con người. Đó là hậu quả của một tầm nhìn thấp về mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế và xã hội. Hoạt động giáo dục hầu như chỉ lo dạy và học, thi cử và học hàm, học vị không phải vì chất lượng phát triển con người, phát triển kinh tế. Như vậy, hoạt động giáo dục đã đánh mất ý nghĩa văn hóa cao quý của nó.

b - Sự phát triển khoa học bao gồm khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học công nghệ thể hiện trực tiếp nhất vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế. Trong thời đại hiện nay, khi "khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp" thì vai trò đó có ý nghĩa quyết định không những là sự phồn vinh về kinh tế, mà còn quyết định về tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Không chỉ thế, toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập càng đưa khoa học lên vai trò lớn hơn về nâng cao sức cạnh tranh của mỗi sản phẩm, mỗi doanh nghiệp và sức cạnh tranh của quốc gia.

Việc xây dựng nền khoa học và công nghệ quốc gia và một đội ngũ trí thức mới không chỉ là đòi hỏi cấp bách của phát triển kinh tế mà còn là một nội dung của xây dựng nền văn hóa mới. Với đà phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức hiện nay, có thể dự báo rằng trong tương lai không xa khi mà xã hội đã có một mức sống tương đối sung túc thì thành tựu về văn hóa sẽ có ý nghĩa lớn hơn thành tựu về kinh tế. Đối

với con người, lối sống ngày càng có ý nghĩa hơn mức sống. Lúc đó, dù là một cá nhân hay tổ chức, là một tập đoàn kinh tế hay một quốc gia, **bộ mặt văn hóa** sẽ chỉ rõ anh là ai trong cộng đồng dân tộc và quốc tế.

Từ nhận thức ấy mà nhìn vào thực trạng khoa học, công nghệ và đội ngũ trí thức trong quá trình đổi mới kinh tế thì sẽ thấy rõ hơn **thực trạng chính sách văn hóa trong kinh tế**. Hiện nay, đã có nhiều ý kiến đánh giá trình độ phát triển khoa học nước ta, đều thừa nhận rằng, nền khoa học công nghệ và nền kinh tế nước ta tụt hậu với khoảng cách mấy thập kỷ so với nhiều nước trong khu vực.

Vậy tại sao nước ta đã là một tấm gương trong kháng chiến giải phóng dân tộc nhưng lại tụt hậu trong phát triển kinh tế thời bình? Suy ngẫm về thực tiễn này, có thể thấy rằng nước ta đã có những thành tựu văn hóa phát triển cao hình thành từ truyền thống lịch sử dựng nước và giữ nước, nhưng hầu như chưa có một nền văn hóa phát sinh, phát triển từ xây dựng kinh tế - xã hội thời bình. Môi trường văn hóa trong phát triển kinh tế hiện nay đang thể hiện rõ **bộ mặt mới** của văn hóa tiểu nông - phong kiến. Một môi trường văn hóa quá độ, thấp như vậy không phù hợp với kinh tế thị trường nói chung và cản trở sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nguyên nhân sâu xa của tình trạng thấp kém về giáo dục và khoa học, công nghệ là chưa thực hiện chính sách **xây dựng đội ngũ trí thức trong giai đoạn mới** - giai đoạn cần phát triển kinh tế tri thức, giai đoạn hội nhập sâu vào thế giới, giai đoạn phải thể hiện định hướng xã hội chủ nghĩa trong đời sống của dân tộc chứ không phải chỉ trọng văn kiện. Cần nói thêm rằng xây dựng đội ngũ trí thức không chỉ là vấn đề đoàn kết dân tộc, mà còn là góp phần quan trọng vào phát triển nền kinh tế mới và nền văn hóa mới.

2 - Những cơ sở phát sinh nền văn hóa mới từ trong xây dựng kinh tế

Lịch sử phát triển kinh tế và văn hóa cho thấy mỗi hình thái kinh tế - xã hội đều gắn liền

với một nền văn hóa, khi diễn ra sự chuyển đổi về hình thái kinh tế - xã hội thì cũng kéo theo sự chuyển đổi về văn hóa, trong đó có sự kế thừa, lựa chọn những giá trị tích cực của hình thái trước. Khi hình thái kinh tế - xã hội phát triển đến đỉnh cao thì văn hóa cũng đạt đến độ rực rỡ của nó. Sở dĩ có quá trình **tương sinh, tương hỗ** giữa kinh tế và văn hóa là vì chúng đều bắt nguồn từ hoạt động của con người, nhất là con người trong kinh tế thị trường.

Từ nhận thức như vậy, có thể tìm tòi phát hiện **những cơ sở phát sinh** nền văn hóa mới từ trong chuyển đổi và phát triển kinh tế. Chính sách văn hóa trong kinh tế **phải bắt đầu từ những cơ sở phát sinh** nền văn hóa mới. Có như vậy, chính sách văn hóa mới thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững như một **nhân tố nội sinh**, chứ không phải là tác động của một nhân tố bên ngoài, kể cả những mong muốn tốt đẹp chủ quan của người lãnh đạo, quản lý mà chúng ta từng ném trái.

Dưới đây xin đề cập mấy nội dung chủ yếu:

a - **Quyền sở hữu - cơ sở kinh tế phát sinh nền văn hóa mới và nền kinh tế mới**

Lịch sử phát triển của xã hội hiện đại đầy máu và nước mắt hầu như cuối cùng đều xoay quanh vấn đề quyền sở hữu. Mặt khác, mỗi nấc thang phát triển quyền sở hữu lại được thể hiện ở nấc thang phát triển kinh tế và văn hóa. Vì vậy, mỗi nền văn hóa có nguồn gốc kinh tế là **quyền sở hữu**. Nền văn minh công nghiệp và nền văn hóa phương Tây ra đời và phát triển gắn liền với sự ra đời và phát triển của **quyền sở hữu tư bản**.

Quá trình từ sở hữu tư bản công nghiệp phát triển lên sở hữu tư bản tài chính, tư bản độc quyền và hiện nay là sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế tri thức đều **có quan hệ nhân - quả** với tiến trình phát triển kinh tế thị trường và văn hóa phương Tây.

Lịch sử kinh tế thị trường cũng cho thấy, cứ mỗi nấc thang phát triển quyền sở hữu lại ra đời một thế hệ ông chủ mới có đầu óc suy nghĩ, tầm nhìn, lối sống khác với thế hệ trước. Ngày nay,

Bin Ghét trong quyền sở hữu trí tuệ khác nhiều với ông chủ Tay-lô, Pho trong quyền sở hữu công nghiệp, sở hữu tài chính. Đó là sự khác nhau về văn hóa thể hiện trong phương thức kinh doanh phân phối, giao dịch, ứng xử các quan hệ trong và ngoài doanh nghiệp. Chính những mầm mống nền văn hóa mới tiềm ẩn trong quyền sở hữu đã thể hiện và lan tỏa trong hoạt động kinh doanh tạo ra sự hưng thịnh hay suy vong của doanh nghiệp và nền kinh tế. C.Mác đã có nhận xét sâu sắc mà nhiều người đã bỏ qua, đó là: "*Tư bản là một quan hệ xã hội*", và "*nhà tư bản là nhân cách hóa của tư bản*" nói lên tầm quan trọng của quyền sở hữu.

Ngày nay, trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, chế độ sở hữu cổ phần đã trở thành phổ biến, không chỉ sở hữu cổ phần giữa các nhà tư bản với nhau, mà nhiều hơn là sở hữu cổ phần của cả những người lao động trong doanh nghiệp và ngoài xã hội. Đây là một bước tiến từ sở hữu tư nhân sang sở hữu xã hội. Rõ ràng là khi đa số người lao động trong doanh nghiệp trở thành cổ đông thì phương hướng sản xuất kinh doanh, phân phối... sẽ thay đổi. Cũng như vậy khi mà xã hội đã tham gia trực tiếp vào quyền sở hữu của công ty thì bộ mặt kinh tế và văn hóa càng phát triển cao hơn.

Lịch sử thế kỷ XX cũng đem lại cho chúng ta bài học về quyền sở hữu trong phát triển kinh tế và văn hóa. Đó là quyền sở hữu của các thành phần trong xã hội được công hữu hóa, tập thể hóa, mà thực chất là Nhà nước hóa trong các nước xã hội chủ nghĩa. Quyền sở hữu nhà nước đó không phải do yêu cầu của lực lượng sản xuất mà do quan điểm tả khuynh được thực hiện bằng mệnh lệnh hành chính. Cơ chế xin - cho thể hiện đầy đủ cái bản chất kinh tế và văn hóa của quyền sở hữu ấy.

Công cuộc đổi mới ở nước ta, thực chất là chuyển sang quyền sở hữu nhiều thành phần, tạo ra sự thay đổi sâu sắc về kinh tế và văn hóa, phù hợp với quy luật khách quan.

Khi xây dựng chính sách văn hóa trong kinh tế cần xem xét đầy đủ vai trò và tác động của quyền sở hữu như một *nhân tố nội sinh* của

kinh tế và văn hóa phù hợp với trình độ phát triển mỗi giai đoạn của nền kinh tế. Điều đáng lưu ý khi xem xét vấn đề quyền sở hữu phải tính đến nhu cầu kinh tế và chính trị mà thực tiễn đặt ra. Trong giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản, người ta coi việc phát triển và bảo vệ quyền sở hữu tư nhân là *mục đích* của phát triển kinh tế. Hoạt động văn hóa phụ thuộc vào mục đích ấy. Còn trong thời đại hiện nay, nước ta có thể coi quyền sở hữu là *điều kiện tiên quyết*, quan trọng để thực hiện *mục tiêu* "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", trong đó chất lượng của quá trình cổ phần hóa có vị trí đặc biệt. Sự cần thiết của chính sách mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi chúng ta phải khôn khéo xử lý mối quan hệ giữa hai mục đích khác nhau theo hướng các bên cùng có lợi.

b - Xây dựng và thực hiện thể chế pháp quyền - cơ sở chính trị của chính sách văn hóa trong kinh tế

Các quyền sở hữu trong kinh tế thị trường chỉ có ý nghĩa thực tế khi được thực hiện trong thể chế pháp quyền. Không phải ngẫu nhiên, quyền sở hữu tư bản tư nhân ra đời đã đưa đến sự xuất hiện Nhà nước pháp quyền tư sản. Thể chế pháp quyền quy định quyền lợi và trách nhiệm của các chủ sở hữu trong các mối quan hệ mà họ hoạt động. Thể chế pháp quyền phát triển hơn đã quy định "người dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm", khác với thể chế bao cấp "người dân được làm những gì mà Nhà nước cho phép". Ngày nay, thể chế pháp quyền đang hướng tới "Nhà nước chỉ làm những gì mà người dân không làm được", chuyển giao nhiều lĩnh vực dịch vụ cho các tổ chức ngoài Nhà nước.

Có thể nói, quyền sở hữu là mắt xích trung tâm trong thể chế pháp quyền và thể chế pháp quyền làm cho vai trò và tác dụng của quyền sở hữu đi vào đời sống kinh tế và xã hội.

Ngày nay thể chế pháp quyền đang đi sâu vào mọi lĩnh vực kinh tế và xã hội với những tiêu chí minh bạch, công khai ở phạm vi quốc gia và quan hệ quốc tế. Ở góc độ chính trị và văn hóa, mức độ phát triển của thể chế pháp

quyền là **tiêu chí chung** của một xã hội hiện đại và dân chủ. Với tầm nhìn xa trông rộng ngay từ năm 1919, trong bản "Việt Nam yêu cầu ca" Nguyễn Ái Quốc đã đề xướng nguyên tắc "Bảy xin Hiến pháp ban hành. Trăm điều phải có thân linh pháp quyền".

Trong lịch sử, thể chế Nhà nước pháp quyền xuất hiện khi có kinh tế thị trường do đòi hỏi của quyền sở hữu tư bản tư nhân. Vì vậy, thể chế pháp quyền tư sản gắn liền với lợi ích của các nhà tư bản. Chỉ có thông qua xung đột mâu thuẫn và đấu tranh xã hội, thể chế ấy mới sửa đổi dần.

Thể chế pháp quyền là một thành quả về văn hóa, văn minh của nhân loại, nên nó càng cần thiết cho việc xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Điều khác biệt ở đây là thể chế pháp quyền nước ta nhằm phát triển và bảo vệ lợi ích nhân dân và quốc gia trên con đường phát triển rút ngắn theo định hướng xã hội chủ nghĩa (với nội hàm là tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường - nghĩa là phát triển bền vững), nên đó là **thể chế pháp quyền nhân dân**. Nhà nước ta phải được tổ chức và hoạt động trên nền tảng thể chế pháp quyền ấy. Sự hình thành và đổi mới bước đầu thể chế pháp quyền nước ta là một thành quả về văn hóa đang phát huy tác dụng tích cực trong phát triển kinh tế và xã hội.

c - Phát triển các mối quan hệ xã hội dân sự - cơ sở xã hội của chính sách văn hóa trong kinh tế

Khác với các hình thái kinh tế trước đó, kinh tế thị trường phát triển thông qua hợp tác và cạnh tranh. Để thích nghi với những biến đổi, rủi ro và để bảo vệ lợi ích, người ta đã hình thành các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau. Đó là cơ sở hình thành xã hội dân sự. Cho nên **xã hội dân sự** cũng như **Nhà nước pháp quyền** đều là kết quả **tự nhiên, tất yếu của sự phát triển** kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường càng phát triển thì các mối quan hệ xã hội dân sự và sự phát triển của mỗi cá nhân ngày càng phong phú, đa dạng. Các quan hệ đó

sẽ được thể hiện trong các chính sách kinh tế và chính sách văn hóa.

Vì vậy, chính sách văn hóa trong kinh tế không thể tách rời các quan hệ xã hội dân sự - vốn là cơ sở xã hội *sinh ra và nuôi dưỡng* nền văn hóa mới.

Ở nước ta, sau 20 năm chuyển sang kinh tế thị trường đang đi theo tính quy luật về xây dựng Nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự do đòi hỏi của thực tế hơn là do nhận thức chủ động, sáng tạo.

Hiện nay, chính sách văn hóa phải hướng vào quá trình phát triển các quan hệ xã hội dân sự, trong đó có hai đòi hỏi cấp bách.

Thứ nhất, góp phần nâng cao **chất lượng cuộc sống** của nhân dân. Kết quả của tăng trưởng kinh tế thời gian qua đã nâng cao mức sống một cách rộng khắp, nhưng chất lượng sống đang là vấn đề phức tạp, có nhiều biểu hiện thoái hóa. Trong hoàn cảnh đó, chất lượng cuộc sống trở thành vấn đề văn hóa mà để giải quyết thì không phải chỉ bằng tuyên truyền mà phải gắn bó với lao động nghề nghiệp, gắn đời sống cá nhân với quan hệ gia đình, cộng đồng và nhất là hiệu quả và phẩm chất của bộ máy quản lý.

Thứ hai, chính sách văn hóa trong kinh tế phải góp phần chống quốc nạn tham nhũng đang xói mòn sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp văn hóa, đẩy nước ta tụt hậu ngày càng xa hơn.

Do tham nhũng đang phổ biến trong bộ máy lãnh đạo quản lý các cấp nên cần nghiên cứu và triển khai về **văn hóa chính trị**, bắt đầu từ nhận thức đúng: quyền lực của ai? Sử dụng quyền lực vì lợi ích của ai? Chỉ trên cơ sở đó thì mới nâng cao được phẩm chất, năng lực và trách nhiệm của bộ máy, hạn chế tối đa nạn tham nhũng.

Hai vấn đề (nâng cao chất lượng sống của dân và chống tham nhũng trong bộ máy) có quan hệ mật thiết với nhau. Quan không tham thì dân không gian. Chừng nào người lãnh đạo, quản lý là tấm gương soi chung, thì văn hóa sẽ tỏa sáng trong đời sống xã hội. □